DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Điểm thi học kỳ

Học Kỳ 2 - Năm Học 2017-2018

Môn Thi/Nhóm **Tổ chức và quản lý thi công (CENG4204) - XD43** Số Tín Chỉ: 2

CBGD **Nguyễn Sơn Lâm (CT285)**

Ngày Thi / / Phòng Thi

In Ngày 24/03/2018

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nhóm	Điểm số	Điểm Chữ	Số Tờ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	1451020005	LÊ VĂN	BẢO	10/06/96	XD43					
2	1451020008	TRẦN TRUNG	CANG	26/12/93	XD43					*Nợ HP
3	1451020009	NGUYỄN SƠN	CAO	04/03/95	XD43					*Nợ HP
4	1451020017	NGUYỄN HỮU	DANH	24/06/96	XD43					*Nợ HP
5	1451020018	LƯU VĂN	DIÊN	18/02/95	XD43					*Nợ HP
6	1451020019	NGUYỄN PHÚC THÀNH	DUY	26/10/95	XD43					*Nợ HP
7	1451020023	NGUYỄN NGỌC	ĐẠI	02/04/96	XD43					*Nợ HP
8	1351020017	NGUYỄN LÊ THÀNH	ĐẠT	11/06/94	XD43					
9	1451020031	TRẦN NGỌC	ĐỒNG	01/12/96	XD43					
10	1051020082	NGÔ TRƯỜNG	GIANG	17/08/92	XD43					*Nợ HP
11	1451020034	NGÔ VĂN	HÀ	26/11/95	XD43					*Nợ HP
12	1451020041	NGUYỄN THANH	HÂN	15/09/96	XD43					
13	1351020043	NGUYỄN	HOÀNG	10/05/94	XD43					
14	1451020048	PHẠM MAI	HOÀNG	01/12/95	XD43					
15	1451020056	DƯƠNG VĂN	HÙNG	03/10/96	XD43					*Nợ HP
16	1351020045	NGUYỄN HOÀNG	HUY	30/09/95	XD43					*Nợ HP
17	1451020060	LỠ VĂN	HƯNG	10/12/96	XD43					*Nợ HP
18	1451020063	PHAN THỊ CẨM	HƯƠNG	29/06/96	XD43					
19	1451022219	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	20/10/96	XD43					*Nợ HP
20	1451020069	HOÀNG ANH	KHOA	28/01/96	XD43					*Nợ HP
21	1451020078	TRẦN THANH	LIÊM	18/05/96	XD43					*Nợ HP
22	1451020080	NGUYỄN ĐẮC AN	LONG	12/08/96	XD43					
23	1451020086	ĐINH ĐỨC	LỘC	25/05/95	XD43					*Nợ HP
24	1451020090	NGUYỄN PHI	LUÂN	18/03/96	XD43					*Nợ HP
25	1451020094	NGUYỄN VĂN	NAM	21/09/95	XD43					*Nợ HP
26	1451020095	NGUYỄN VĂN	NAM	08/07/96	XD43					*Nợ HP
27	1451022229	NGUYỄN HOÀNG	NGHĨA	02/01/95	XD43					*Nợ HP
28	1351020075	NGUYỄN PHÚ	NHÂN	28/08/95	XD43					*Nợ HP
29	1451022233	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	03/05/95	XD43					*Nợ HP
30	1451020109	PHAN NHÂN	PHÁT	21/01/96	XD43					*Nợ HP
31	1451020118	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	20/06/96	XD43					*Nợ HP
32	1451022237	ĐẶNG THẾ	QUỐC	09/04/95	XD43					*Nợ HP
33	1451020131	TRƯƠNG QUANG	SANG	10/05/92	XD43					*Nợ HP
34	1351022244	LÊ CHÍ	TÂM	27/12/95	XD43					*Nợ HP
35	1451020142	ĐẶNG NHẬT	TÂN	30/01/95	XD43					*Nợ HP
36	1351022246	NGUYỄN VĂN	TÂN	01/06/91	XD43					*Nợ HP
37	1451020143	TRẦN THANH	TÂN	27/03/94	XD43					
38	1351020105	TRẦN ĐỨC	THANH	07/08/95	XD43					*Nợ HP
39	1451022239	ĐỖ DUY	THÀNH	20/08/96	XD43					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Điểm thi học kỳ

Môn Thi/Nhóm **Tổ chức và quản lý thi công (CENG4204) - XD43** Số Tín Chỉ: 2

In Ngày 24/03/2018

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nhóm	Điểm số	Điểm Chữ	Số Tờ	Chữ Ký	Ghi Chú
40	1351020111	VÕ TẤT	THÀNH	06/02/89	XD43					*Nợ HP
41	1451040045	MAI PHƯƠNG	THẢO	14/03/96	XD43					*Nợ HP
42	1451040047	NGÔ THỊ CẨM	THI	09/12/96	XD43					*Nợ HP
43	1451022244	NGUYỄN PHÚ	THIÊN	25/10/95	XD43					
44	1451022245	HỒ MINH	THIỆN	23/11/95	XD43					*Nợ HP
45	1351020121	LÊ TRIỆU TẤN	THỊNH	07/12/95	XD43					*Nợ HP
46	1451020159	ĐẶNG PHƯỚC	THUYÊN	06/11/95	XD43					*Nợ HP
47	1351020128	PHẠM NGỌC	TIẾN	26/02/95	XD43					*Nợ HP
48	1451022252	PHẠM VĂN	TRÂN	22/03/95	XD43					*Nợ HP
49	1351020137	NGUYỄN MINH	TRIỀU	12/04/95	XD43					
50	1451020179	TRẦN NGUYỄN KIÊN	TRUNG	09/09/96	XD43					*Nợ HP
51	1451022256	ĐINH MINH	TÚ	19/08/96	XD43					
52	1451020189	NGUYỄN MẬU	TÚ	11/11/95	XD43					*Nợ HP
53	1451022255	PHẠM THANH	TUẤN	04/10/96	XD43					
54	1451020183	PHẠM VIỆT	TUẤN	20/09/96	XD43					*Nợ HP
55	1351020151	TRẦN QUỐC	TUẤN	11/12/95	XD43					*Nợ HP
56	1351020155	NGUYỄN VĂN	TÚC	/ /94	XD43					*Nợ HP
57	1451020185	VŨ ĐĂNG	TUỆ	08/10/94	XD43					
58	1151020400	TRẦN QUANG	VĂN	20/03/92	XD43					*Nợ HP
59	1451020191	PHÙNG NGỌC	VIỄN	14/04/92	XD43					*Nợ HP
60	1451020196	NGUYỄN QUANG	VINH	24/02/96	XD43					
61	1451020198	NGUYỄN VĂN	VŨ	21/07/96	XD43					
62	1451022259	ĐẶNG ĐỨC	VƯƠNG	15/10/96	XD43					

Số SV dự thi: _____ Số vắng thi: _____

Số bài thi: _____ Số tờ giấy thi: _____

Ngày _____ tháng _____ năm 20__

Cán bộ Coi thi 1
(Ký và ghi rõ Họ tên)

Cán bộ Coi thi 2
(Ký và ghi rõ Họ tên)

Giáo viên chấm thi
(Ký và ghi rõ Họ tên)